

Số: 91 /2019/ QĐST-HNGĐ

Hương T, ngày 30 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 87/2019/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh **Châu T**, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn Bình Dương, xã Hương Bình, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Chị **La Thị T**, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn Hương Quang, xã Hương Bình, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Châu T và chị La Thị T thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn của anh T, chị T trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Th, chị T.

[2] Về con chung: Anh Châu T và chị La Thị T có 01 người con chung tên là Châu Ngọc Bình N, sinh ngày 13/8/2014. Anh Châu T và chị La Thị T thỏa thuận là giao cháu N cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; anh T không phải cấp dưỡng cho con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Châu T và chị La Thị T khai vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Châu T phải chịu 150.000 đồng, chị La Thị T phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Châu T và chị La Thị T thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Giao cháu Châu Ngọc Bình N, sinh ngày 13/8/2014 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; anh T không phải cấp dưỡng cho con.

Quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ sau ly hôn đối với con được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Châu T và chị La Thị T không yêu cầu nên Toà án không phải giải quyết.

2. Về lệ phí ly hôn: Anh Châu T và chị La Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền anh T, chị T đã nộp tạm ứng lệ phí 300.000 đồng theo Biên lai số 7279 ngày 24/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương T. Anh T, chị T đã nộp đủ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và điều 7a, 7b sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sửa đổi bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT. H;
- VKSND TX. Hương T;
- Chi cục THADS TX. Hương T;
- UBND xã Hương B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN